

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA</p> <p>Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 3 – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <p>Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Số tài khoản: _____</p> <p>Mã số thuế: _____</p> <p>Điện thoại: 0258 352 1188</p> <p>Fax: 0258 352 1836</p> <p>Email: _____</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Đường dây 220kV Phan Thiết - Hàm Thuận trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) khi đánh giá quá trình thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 của EVN v/v ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. - Quyết định số 219/QĐ-HĐTV ngày 20/12/2022 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia v/v Quy định đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn trong EVNNPT. <p>Đề nghị các nhà thầu tìm hiểu thông tin về các Quy định của EVN/EVNNPT trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ <i>[Ghi các quy định khác (nếu có), nội dung sẽ hoàn thiện trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng]</i></p>
E-ĐKC 5.1	<p>Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”, nội dung sẽ hoàn thiện trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng]</i></p>

E-ĐKC 7	<p>Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định và trọn gói</p> <p>+ Khảo sát xây dựng phục vụ lập BCNCKT: áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định;</p> <p>+ Các nội dung công việc còn lại: áp dụng hợp đồng trọn gói.</p>
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với phần hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p> <p>(2) Đối với phần hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế) với điều kiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu; - Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoặc Tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện gói thầu tính từ khi phát hành cho đến thời gian ít nhất 30 ngày sau ngày dự kiến thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền</p>

tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Thu hồi tiền tạm ứng cho nhà thầu: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, bên B chịu phí chuyển tiền.

- Đồng tiền thanh toán: VND.
- Số lần thanh toán: Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia thành các đợt như sau:
- Thời hạn thanh toán:

+ **Đối với công tác khảo sát phục vụ thiết kế:**

Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A chấp thuận, có Biên bản nghiệm thu khối lượng, số lượng công việc khảo sát thực tế đã thực hiện (có xác nhận của đại diện chủ đầu tư và đại diện nhà thầu), bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư và đại diện nhà thầu, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phân chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán).

+ **Đối với công tác lập BCNCKT:**

Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi có quyết định phê duyệt BCNCKT công trình, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa

thanh toán cho Bên B 5% giá trị phân chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán).

Trong trường hợp Bên B có văn bản đề nghị thanh toán sau khi giao nộp hồ sơ BCNCKT, Bên A có thể xem xét thanh toán đến 40% tổng giá trị hạng mục “Lập BCNCKT” sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ BCNCKT do Bên B lập, được Bên A thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phân chất lượng sản phẩm (đối với công tác lập BCNCKT): Khi giai đoạn TKBVTC không có thay đổi lớn về giải pháp kỹ thuật do lỗi của Bên B thực hiện trong giai đoạn BCNCKT, Bên A sẽ nghiệm thu và thanh toán phân chất lượng sản phẩm cho Bên B, nhưng tổng giá trị thanh toán sẽ không vượt quá 95% giá trị hợp đồng.

+ Đối với công tác lập TKBVTC-DT (Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở):

Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt TKBVTC-DT, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu tới 70% tổng giá trị hạng mục “Lập TKBVTC-DT”.

Công tác hoàn chỉnh TKBVTC-DT (sau khi có VTTB): Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% tổng giá trị hạng mục “Lập TKBVTC-DT” sau 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ TKBVTC phân liên quan đến thiết bị do Nhà thầu hoàn chỉnh (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán).

+ Đối với công tác lập Hồ sơ mời thầu:

Sau khi HSMT, dự toán gói thầu được lập hoàn chỉnh và được phê duyệt, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hạng mục công việc đã thực hiện (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán).

+ Giá trị còn lại (5%): Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án.

*** Hồ sơ thanh toán**

- Tất cả các khối lượng phát sinh chỉ được thanh toán sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên thương thảo ký Phụ lục hợp đồng. Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng hai bên thương thảo: (i) Nếu khối lượng phát sinh có đơn giá trong hợp đồng thì lấy theo đơn giá trong hợp đồng đã ký; (ii) Nếu khối lượng phát sinh không có đơn giá trong

hợp đồng thì lấy theo đơn giá định mức hiện hành tại thời điểm thực hiện và chiết giảm theo qui định.

- *Đối với phần công việc đơn giá cố định:* Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện; Trường hợp pháp luật nhà nước có thay đổi thì thực hiện theo văn bản pháp luật có hiệu lực cao nhất nhưng phải bổ sung trong phụ lục hợp đồng.

- Quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo đúng quy định Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 của Hội đồng thành viên EVNNPT.

**** Hồ sơ thanh toán:**

- Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư. Biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, bản thanh toán/quyết toán A-B đủ điều kiện thanh toán tương ứng có xác nhận đại diện nhà thầu, đại diện chủ đầu tư;

- Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh, phát sinh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư (nếu có);

- Phiếu giá thanh toán theo quy định trong đó phải thể hiện được các nội dung: Giá trị hợp đồng, giá trị tạm ứng hợp đồng, giá trị đã thanh toán lũy kế đến cuối kỳ trước, giá trị khối lượng được chấp nhận thanh toán lũy kế đến cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành được chấp nhận thanh toán kỳ này, giá trị khối lượng được chấp nhận thanh toán lũy kế đến kỳ này, giá trị lũy kế đã thu hồi tạm ứng đến cuối kỳ trước, giá trị thu hồi tạm ứng kỳ này, giá trị giữ lại kỳ này, giá trị thanh toán kỳ này, lũy kế giá trị thanh toán đến cuối kỳ này.

- Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

*** Hồ sơ quyết toán**

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư;

+ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư (nếu có);

	<p>+ Bảng tính chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng cho toàn bộ khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng;</p> <p>+ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;</p> <p>+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.</p> <p>* Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại:</p> <p>Giá trị còn lại (nếu có): Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án. Hồ sơ thanh toán gồm:</p> <p>+ Biên bản đối chiếu giá trị quyết toán được duyệt với giá trị thanh toán A-B đã thông nhất, điều chỉnh giảm số chênh lệch (nếu có).</p> <p>+ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.</p> <p><i>[Nội dung thỏa thuận cụ thể trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng, đảm bảo quy định EVN/EVNNPT]</i></p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng:</p> <p><i>Thời gian thực hiện gói thầu: 390 ngày (Phù hợp tiến độ dự án)</i></p> <p><i>Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng</i></p> <p><i>[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]</i></p>
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật, nội dung sẽ hoàn thiện trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng].</i>
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>

E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 16.4	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <p>Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Mức phạt đối với nhà thầu:</p> <p>a.1. Do chậm tiến độ:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu nhà thầu tư vấn chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì sẽ bị phạt hợp đồng với Mức khấu trừ: 2%/tuần (tương đương 0,286% mỗi ngày) chậm trễ (được tính theo giá trị công việc chậm thực hiện).</p> <p>Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm (<i>Tạm tính giá trị tối đa là 485.520.000 VND theo DTGT, giá trị phạt sẽ xác định cụ thể tại giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng</i>).</p> <p>Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án.</p> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>a.2. Do chất lượng:</p> <p>+ Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt đến 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, hiện trạng công trình (nếu có) không đúng thực tế dẫn đến phải xử lý thiết kế, làm phát sinh tăng giá trị công trình (ngoại trừ một số vùng địa chất có địa tầng thay đổi phức tạp phải có luận chứng, giải trình cụ thể). ▪ Phân tích hiệu quả kinh tế đầu tư dự án trong giai đoạn lập phương án đầu tư không chuẩn xác, dẫn đến dự án đầu tư không hiệu quả. ▪ Thiết kế không đảm bảo khả năng chịu lực, gây lún, nứt, chuyển vị, không phù hợp với Quy chuẩn Việt

	<p>Nam hiện hành, phải xử lý thiết kế, làm tăng giá trị công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiết kế không đảm bảo an toàn cho cộng đồng và công trình lân cận, phát sinh chi phí bồi thường cho bên thứ ba. ▪ Thiết kế không phù hợp với quy hoạch, không đáp ứng, không phù hợp với nhu cầu phụ tải thực tế của khu vực, dẫn đến phải điều chỉnh dự án, thiết kế. ▪ Dự toán công trình, hồ sơ mời thầu do nhà thầu tư vấn lập, bóc tách khối lượng không chuẩn xác, không phù hợp với bản vẽ thiết kế, dẫn đến phát sinh tăng khối lượng trong thi công. ▪ Các nội dung công việc khác liên quan đến chất lượng công tác thiết kế dẫn đến phải xử lý trong quá trình thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ, tăng giá trị đầu tư công trình. <p>+ Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì cũng xem là không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>+ Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>+ Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế gây ra do lỗi của Bên B.</p> <p>+ Ngoài ra, trong trường hợp Bên B tính toán không chính xác số lượng, khối lượng công việc dẫn đến vật tư, thiết bị phải thu hồi hoặc phải mua bổ sung, Bên B phải đền bù bằng vật tư thiết bị tương đương hoặc bằng tiền có giá trị tương đương và các chi phí phát sinh cho việc thu hồi hoặc mua bổ sung (nếu có) (Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 21 của Quy định Quản lý vật tư áp dụng trong EVNNPT theo Quyết định số 18/QĐ-HĐTV ngày 30/01/2023 của EVNNPT).</p> <p>+ Tư vấn phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% khi có kết luận của Cơ quan kiểm tra Nhà nước sai phạm thiết kế hoặc</p>
--	--

	<p>hoàn trả chi phí tư vấn theo kết luận Cơ quan kiểm tra Nhà nước yêu cầu cắt giảm giá trị của Hợp đồng tư vấn.</p> <p><i>[Nội dung thỏa thuận cụ thể trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng, đảm bảo quy định EVN/EVNNPT]</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. - Nếu Tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng. <p><i>[Nội dung thỏa thuận cụ thể trong giai đoạn đàm phán hoàn thiện hợp đồng]</i></p>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán.</p> <p>Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn

	<p>lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng là tiếng Việt;</p> <p>- Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư:</p> <p style="padding-left: 40px;">TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA Địa chỉ: 18 Trần Nguyên Hãn, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Điện thoại: 024 2220 4444 Fax: 024 2220 4455 Đại diện Chủ đầu tư:</p> <p style="padding-left: 40px;">CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 3 – CN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA Địa chỉ: 12 Trần Hưng Đạo, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 0258 352 1188 Fax: 0258 352 1836 E-mail: kh.ptc3@npt.com.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>